

Số: 43 /BC-ĐDBQH

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Nghị quyết số 52/2022/QH15 ngày 14/6/2022 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát và Kế hoạch số 345/KH-ĐGS ngày 24/11/2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030” (sau đây gọi là 3 Chương trình MTQG), Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn đã tổ chức Đoàn khảo sát trực tiếp và giám sát qua báo cáo đối với một số đơn vị, địa phương về việc triển khai thực hiện 3 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh¹. Kết quả cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Bắc Kạn là tỉnh nằm về phía Đông Bắc của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, tiếp giáp với 04 tỉnh: Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng, phía Nam giáp tỉnh Thái Nguyên, phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Đông giáp tỉnh Lạng Sơn. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh 4.859,96 km²; dân số 323.712 người gồm 7 dân tộc chủ yếu (Kinh, Tày, Nùng, Dao, Hoa, Mông và Sán Chay) sinh sống. Tỉnh có 08 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: 01 thành phố, 07 huyện, trong đó có 02 huyện nghèo là: Pác Nặm và Ngân Sơn theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 10 năm giai đoạn 2011-2020 của tỉnh đạt 5,33%/năm; quy mô nền kinh tế năm 2020 đạt 12.949 tỷ đồng, cao gấp 2,9 lần so với năm 2010, GRDP đạt 40,92 triệu đồng; cơ cấu kinh tế dịch chuyển

¹ -Giám sát qua báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Y tế, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh.

- Khảo sát trực tiếp: UBND các huyện: Pác Nặm, Ba Bể, Ngân Sơn, Chợ Đồn; UBND các xã: Giáo Hiệu (Pác Nặm), Khang Ninh (Ba Bể), Đức Vân (Ngân Sơn), Bình Trung (Chợ Đồn).

theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ; thu ngân sách giai đoạn 2011-2020 đạt trên 5.299 tỷ đồng; tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 bình quân tăng 11,3%/năm; năng suất lao động trung bình 10 năm khoảng 41,94 triệu đồng (giá hiện hành); thực trạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có nhiều chuyển biến, đứng thứ 35/63 tỉnh, thành phố, nằm trong nhóm các tỉnh có chất lượng điều hành kinh tế khá của cả nước (năm 2022).

Tuy nhiên, Bắc Kạn là tỉnh có vị trí địa lý nằm cách xa các trung tâm, hành lang kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm; điều kiện địa hình khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội; kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội chưa hoàn thiện đặc biệt hạ tầng giao thông; quy mô nền kinh tế của tỉnh nhỏ; năng suất lao động thấp hơn so với trung bình cả nước trong cùng giai đoạn 2010-2020, đạt 73,83 triệu đồng; tỷ lệ nghèo đa chiều cao, theo kết quả rà soát cuối năm 2022 là 33,71% (trong đó hộ nghèo là 20.281 hộ, chiếm 24,71%; hộ cận nghèo là 7.385 hộ, chiếm 9,0%).

2. Khái quát việc thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Kạn triển khai thực hiện đồng thời 3 Chương trình MTQG trên địa bàn, với kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 của 3 Chương trình MTQG là: **2.834.952 triệu đồng²**, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **1.666.756 triệu đồng** (NSTW: 1.576.720 triệu đồng; NSDP: 90.036 triệu đồng). Thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, với 10/10 dự án và 12/14 tiểu dự án³.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: **487.904 triệu đồng** (NSTW: 473.693 triệu đồng; NSDP: 14.211 triệu đồng). Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm là các huyện nghèo (Pác Nặm, Ngân Sơn), với 07/07 dự án và 10/11 tiểu dự án⁴.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: **680.292 triệu đồng** (NSTW: 450.580 triệu đồng; NSDP: 229.712 triệu đồng). Thực hiện trên địa bàn

² Theo Báo cáo số 463/BC-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh, kế hoạch vốn đã bao gồm số bổ sung theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Không triển khai thực hiện 02 tiểu dự án gồm: Tiểu dự án 3 - Dự án 3 về phát triển kinh tế xã hội – mô hình bộ đội gắn với dân bản đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tiểu dự án 2 - Dự án 4 về Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc.

⁴ Không triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 - Dự án 1 về triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

95/95 xã (từ ngày 10/4/2023 xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn lên thị trấn Vân Tùng, giảm 01 xã), với 11/11 nội dung thành phần và 54/54 nội dung.

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 về việc giao kế hoạch thực hiện, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và giao dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện các Chương trình MTQG, trong đó cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ và địa bàn thực hiện.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 3 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Công tác ban hành văn bản

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các quy định, hướng dẫn của trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời triển khai các văn bản và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng, thẩm quyền của địa phương, trong đó: Tỉnh ủy đã ban hành 01 Nghị quyết⁵; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 17 Nghị quyết và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 25 Quyết định và nhiều văn bản hướng dẫn trong quá trình triển khai thực hiện 3 Chương trình MTQG trên địa bàn, hoàn thành 100% hệ thống văn bản cơ chế, chính sách thuộc phạm vi, trách nhiệm của Hội đồng nhân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Đối với văn bản thuộc thẩm quyền của các sở, ngành, hiện nay còn 02 văn bản chưa được ban hành do chưa có văn bản hướng dẫn của cơ quan trung ương⁶.

(Phụ lục: Hệ thống văn bản về cơ chế, chính sách thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 do HĐND, UBND tỉnh ban hành)

1.2. Về tổ chức bộ máy

Để tổ chức triển khai thực hiện 3 Chương trình MTQG, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG từ tỉnh đến cơ sở và thành lập bộ máy giúp việc để thực hiện các chương trình MTQG, cụ thể: Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

⁵ Nghị quyết 23-NQ/TU ngày 16/12/2021 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ sáu (khoá XII) về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

⁶ Hướng dẫn Tiểu dự án 2 Dự án 9 (Ban Dân tộc tham mưu). Trung ương chưa có hướng dẫn, chưa có định mức vay. Tỉnh chưa giao vốn và Hướng dẫn Tiểu dự án 2, Dự án 10 thuộc CTMTQG theo Quyết định 1719/QĐ-TTg giai đoạn 2022-2025 (Sở TT&TT và Ban Dân tộc phối hợp).

làm Trưởng ban⁷; 100% các huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG (trong đó: Trưởng ban chỉ đạo ở cấp huyện là Bí thư huyện ủy và ở cấp xã là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Ban Dân tộc tỉnh và Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 10/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh, theo đó đã quy định trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể đối với UBND các cấp và các sở, ngành, tổ chức đoàn thể trong tham gia thực hiện các Chương trình MTQG.

1.3. Về phân bổ, sử dụng nguồn vốn và cơ chế huy động, lồng ghép nguồn thực hiện Chương trình

Thực hiện Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG, HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, cơ chế huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện Chương trình⁸, trên cơ sở đó xây dựng phương án phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (*Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình xây dựng nông thôn mới đối ứng 5%, Chương trình giảm nghèo bền vững đối ứng 3%*).

⁷ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn Về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025

⁸ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/04/2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/07/2022 ban hành Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 (trong đó quy định 03 nội dung: ¹Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình MTQG; giữa các chương trình MTQG với các chương trình, dự án khác; ²Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các chương trình MTQG; ³Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù).

Căn cứ Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ⁹ và các nghị quyết phân bổ vốn của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao kế hoạch vốn nguồn ngân sách nhà nước cho các đơn vị, địa phương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 3 Chương trình MTQG¹⁰ và trên cơ sở dự toán của UBND tỉnh giao, các huyện, thành phố đã triển khai giao dự toán cho các địa phương, cơ sở thực hiện. Tuy nhiên, còn một số huyện chậm giao vốn cho các phòng, ban, UBND cấp xã dẫn đến một số đơn vị thiếu chủ động trong xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện; UBND một số xã chưa chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình có sự tham gia của cộng đồng theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 27/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG¹¹.

Qua giám sát cho thấy, tiến độ giải ngân vốn thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh đạt thấp¹²:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 là: **1.666.756 triệu đồng** (NSTW: 1.576.720 triệu đồng; NSDP: 90.036 triệu đồng).

Tổng kế hoạch vốn năm 2022+2023 là 1.347.044 triệu đồng (NSTW 1.242.928 triệu đồng; NSDP 65.116 triệu đồng). Trong đó vốn đầu tư: 733.742 triệu đồng (NSTW 696.011 triệu đồng; NSDP 37.713 triệu đồng), vốn sự nghiệp 574.321 triệu đồng (NSTW 546.917; NSDP 27.403 triệu đồng).

Tính đến ngày 30/6/2023, toàn tỉnh thực hiện giải ngân 314.217 triệu đồng, đạt 25% kế hoạch.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững có tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 là: **487.904 triệu đồng** (NSTW: 473.693 triệu đồng; NSDP: 14.211 triệu đồng).

⁹ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022; Quyết định số 1506/QĐ-TTg 02/12/2022 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁰ Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 về giao kế hoạch thực hiện, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và giao dự toán vốn đầu tư phát triển năm 2022; Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 về việc phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp năm 2022; Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 10/12/2022 về việc giao chỉ tiêu phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

¹¹ Theo Báo cáo số 46/BC-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

¹² Báo cáo số 463/BC-UBND và Báo cáo số 465/BC-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn, Công văn số 368/KBBK-KSC ngày 26/7/2023 của Kho bạc nhà nước Bắc Kạn.

Tổng nguồn thực hiện trong kỳ báo cáo (2021-2023) là: 128.218 triệu đồng (NSTW: 121.908 triệu đồng; NSDP: 6.310 triệu đồng). Trong đó: Tổng nguồn vốn đầu tư là: 99.554 triệu đồng (NSTW là 95.361 triệu đồng; NSDP là: 4.193 triệu đồng); tổng nguồn vốn sự nghiệp là: 26.664 triệu đồng (NSTW là 26.546 triệu đồng; NSDP là: 2,117 triệu đồng).

Tính đến ngày 30/6/2023, tỷ lệ % giữa thanh toán khối lượng hoàn thành với kế hoạch từ các nguồn vốn thực hiện chương trình như sau: Vốn đầu tư phát triển: đạt 17,44% nguồn NSTW và đạt 21,58% nguồn NSDP; vốn sự nghiệp: đạt 7,15% nguồn NSTW; đạt 10,02% nguồn NSDP.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới có tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 là: **680.292 triệu đồng** (NSTW: 450.580 triệu đồng; NSDP: 229.712 triệu đồng).

Tổng nguồn vốn thực hiện trong kỳ báo cáo (2021-2023) là: 401.872 triệu đồng (NSTW: 354.955 triệu đồng; NSDP: 46.917 triệu đồng), trong đó: Tổng nguồn vốn đầu tư là: 348.053 triệu đồng (NSTW là 308.090 triệu đồng; NSDP là: 39.964 triệu đồng), tổng nguồn vốn sự nghiệp là: 53.818 triệu đồng (NSTW là 48.865 triệu đồng; NSDP là: 6,953 triệu đồng). Vốn huy động khác: 32.814 triệu đồng.

Tính đến ngày 30/6/2023, tỷ lệ % giữa thanh toán khối lượng hoàn thành với kế hoạch từ các nguồn vốn thực hiện chương trình như sau: Vốn đầu tư phát triển: đạt 17,44% nguồn NSTW và đạt 21,58% nguồn NSDP; vốn sự nghiệp: đạt 7,15% nguồn NSTW và đạt 10,02% nguồn NSDP.

1.4. Công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát

Công tác thông tin, tuyên truyền triển khai thực hiện 3 Chương trình MTQG được cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện ngay giai đoạn đầu triển khai, với các hình thức đa dạng và phong phú như: Tổ chức hội nghị trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã; phát hành tờ rơi, tờ gấp; thực hiện một số chuyên mục, phóng sự, bản tin đăng tải trên hệ thống Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh xã; thực hiện lồng ghép tuyên truyền thông qua các hội nghị, các buổi họp thôn, sinh hoạt chi bộ, chi đoàn... Qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ công chức thực hiện CTMTQG ở các cấp và giúp người dân nắm rõ được mục đích, ý nghĩa của các Chương trình MTQG, tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình.

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá triển khai thực hiện 3 Chương trình MTQG luôn được quan tâm thực hiện nghiêm túc, trong đó thực hiện lồng ghép tại các đợt kiểm tra của Thường trực Tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng tại các địa phương; Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đều

đã tổ chức các cuộc khảo sát, giám sát liên quan đến việc triển khai và kết quả thực hiện 3 Chương trình MTQG trên địa bàn¹³. Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, phân công thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các CTMTQG; đồng thời nâng cao vai trò kiểm tra, giám sát của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng (*do cộng đồng dân cư bầu*) để theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

a) Kết quả đạt được

Qua giám sát cho thấy, UBND tỉnh đã ban hành định mức bình quân diện tích đất sản xuất và các văn bản hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ thuộc Dự án 1¹⁴ theo quy định; UBND các huyện đã triển khai và giao kinh phí cho UBND các xã thực hiện theo kế hoạch,

Về xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung: Toàn tỉnh đã triển khai xây dựng 33 công trình nước sinh hoạt tập trung tại 07 huyện.

Tại thời điểm giám sát, tỉnh đã triển khai thực hiện 06 dự án sắp xếp ổn định dân cư tại các huyện. Trong đó, có 02 dự án đã thực hiện xong công tác lựa chọn nhà thầu xây lắp và khởi công trong tháng 01/2023¹⁵, 04 dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư¹⁶.

Dự án 4 Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản thực hiện đảm bảo tiến độ kế

¹³ Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã tổ chức giám sát việc thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022.

- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã tổ chức khảo sát việc thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Yên Dương, huyện Ba Bè.

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức giám sát tình hình thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri trực tuyến chuyên đề về thực hiện các chương trình MTQG năm 2022 với sự tham gia của các Sở, ngành, và UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch giám sát, đánh giá Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025, thành lập các đoàn kiểm tra do Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND làm trưởng đoàn kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình MTQG, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tại các huyện, thành phố...

¹⁴ Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 25/10/2022, Hướng dẫn số 290/HD-UBND ngày 05/5/2023, Công văn số 968/BDT-CSTT&KHTH ngày 25/10/2022 của Ban Dân tộc tỉnh.

¹⁵ Dự án Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai tại khu Pù Pèn, thôn Nà Chảo - Nà Tậu, xã Công Bằng, huyện Pác Nặm; dự án Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn.

¹⁶ Dự án Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hối, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bè; dự án Bố trí ổn định dân cư tại thôn Nà Nguộc - Phiêng Cầm và thôn Khau Lôm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới; dự án Bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn.

hoạch đề ra. Năm 2022, nội dung 4 (*Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa*) thực hiện giải ngân đạt 100%, các nội dung còn lại giải ngân từ 70% trở lên.

b) Tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2022 được trung ương giao muộn (tháng 6/2022), các cơ chế chính sách, văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành trung ương ban hành còn chậm, thiếu, nhiều nội dung chưa rõ ràng, đồng bộ, thống nhất, chưa phù hợp, có nội dung (tiểu dự án 1, Dự án 9) chưa ban hành đầy đủ cơ chế để triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, dẫn đến việc triển khai thực hiện Chương trình của các đơn vị, địa phương còn nhiều khó khăn và lúng lúng, địa phương phải ban hành nhiều công văn xin ý kiến hướng dẫn từ trung ương để thống nhất cơ sở thực hiện, do đó tỷ lệ giải ngân đạt thấp¹⁷.

- Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án của chương trình:

+ Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Qua giám sát cho thấy, định mức hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt, chuyển đổi nghề trong Chương trình còn thấp nên chưa phát huy hiệu quả của nguồn vốn. Nhiều xã không có quỹ đất để giao cho các đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ đất ở, đất sản xuất nên một số địa phương không triển khai thực hiện được nội

¹⁷ Quyết định số 1067/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính; Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định về quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn một số dự án thuộc Chương trình; văn bản số 1500/UBND-CSĐT ngày 12/9/2022 của Ủy ban Dân tộc còn chung chung, chủ yếu trích dẫn lại nội dung tại Thông tư 02/2022/TT-UBND và Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên địa phương khó xác định căn cứ để rà soát, xác định đối tượng, ưu tiên hỗ trợ, lập, thẩm định phê duyệt dự án...; Ủy ban Dân tộc chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp Tiểu dự án 4, Dự án 5.

Quyết định 1719/QĐ-TTg quy định nội dung hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà cho đối tượng thuộc nguồn vốn đầu tư. Tuy nhiên, Thông tư số 02/2022/TT-UBND có hướng dẫn nội dung hỗ trợ sửa chữa nhà theo Chương trình giảm nghèo thuộc nguồn vốn sự nghiệp. Do vậy địa phương còn lúng túng trong việc áp dụng.

Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nhưng mới chỉ quy định mức hỗ trợ xây mới, chưa có quy định mức hỗ trợ sửa chữa nhà ở (*như Dự án 5 Chương trình MTQG GNBV*). Trong khi, trên địa bàn tỉnh có nhiều đối tượng là hộ nghèo đã được hỗ trợ nhà từ chương trình 134, đề án 167 và từ các chương trình của các tổ chức, chính trị - xã hội khác, tuy nhiên thời gian được hỗ trợ đã trên 10 năm, một số hộ chỉ được hỗ trợ khẩn cấp sau thiên tai với nguồn kinh phí rất ít, đến nay nhà ở đã xuống cấp, có nguy cơ sụp đổ, rất cần được tiếp tục hỗ trợ, nhưng theo quy định không thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình.

Về xây dựng các công trình nước sinh hoạt tập trung: Hướng dẫn thực hiện quy định về hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán giữa các văn bản chưa thống nhất giữa thông tư hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính, cụ thể: Điều b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định: "*Cách thức hỗ trợ nước sinh hoạt được sử dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của từng thôn, xã và điều kiện sinh hoạt của hộ gia đình như: đào giếng, mua vật dụng dẫn nước, trữ nước...*"; còn tại Điều 6 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2023 của Bộ Tài chính quy định về hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán không có nội dung thanh toán đối với vật dụng dẫn nước, trong khi, ở nhiều địa phương các đối tượng thực hiện chương trình có nhu cầu được hỗ trợ.

dung hỗ trợ này¹⁸. Việc giải ngân nguồn vốn hỗ trợ nhà ở từ nguồn vốn sự nghiệp đạt thấp, có địa phương khi Trung ương chưa ban hành hướng dẫn định mức hỗ trợ nhà ở nhưng UBND huyện đã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các đối tượng được hỗ trợ và đã thực hiện giải ngân¹⁹.

+ Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: Các dự án triển khai gặp một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác quy hoạch sử dụng đất, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng²⁰, một số dự án phải chuyển địa bàn thực hiện²¹, dẫn đến chậm tiến độ.

+ Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Tiểu dự án 1 Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Các địa phương đã thực hiện giao nhiệm vụ cho UBND các xã tổ chức thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, để có cơ sở lập dự toán và hồ sơ thanh quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư (*UBND cấp xã*) phải thuê đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng thiết kế diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất (*do công chức xã không có chuyên môn nên không thực hiện được*), trong khi đơn vị tư vấn thiết kế trên địa bàn tỉnh rất ít, khối lượng công việc nhiều, nên tiến độ triển khai chậm, tỷ lệ giải ngân thấp.

Trình tự lựa chọn, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 gồm nhiều bước, mất nhiều thời gian²², dẫn đến một số loại cây trồng sau khi lựa chọn danh mục đã hết thời vụ, không triển khai được nên phải rà soát lại... Đến nay, phần lớn số kinh phí được giao chưa thể phân bổ được do các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tiểu dự án 2 Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tiến độ thực hiện chậm.

¹⁸ Huyện Pác Nặm, Ba Bể, Chợ Mới.

¹⁹ Theo Báo cáo số 46/BC-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh: Huyện Ba Bể và Bạch Thông đã thực hiện giải ngân hỗ trợ nhà ở 792 triệu đồng (*trong đó: Huyện Ba Bể hỗ trợ 10 nhà ở với kinh phí là 440 triệu đồng, huyện Bạch Thông hỗ trợ 10 nhà ở với kinh phí là 352 triệu đồng*).

²⁰ Dự án Bố trí ổn định tập trung dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Đông Đăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, Dự án Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai tại khu Pù Pèn, thôn Nà Chảo - Nà Tậu, xã Công Bằng, huyện Pác Nặm; dự án Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn

²¹ Dự án Bố trí ổn định dân cư tại thôn Nà Nguộc - Phiêng Cầm và thôn Khau Lôm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới được điều chuyển từ dự án Bố trí, ổn định dân cư thôn Khuổi Nộc, xã Lương Thượng, huyện Na Rì; Dự án Bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn; Dự án được điều chuyển từ dự án Bố trí ổn định tập trung dân cư thôn Nà Bản - Cốc Slông, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn.

²² Phê duyệt danh mục dự án (để xuất danh mục, họp Hội đồng thẩm định, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình phê duyệt danh mục); phê duyệt dự án (sau khi phê duyệt danh mục dự án các chủ trì liên kết xây dựng dự án, trình Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, sau khi thẩm định Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt dự án). Sau khi dự án đã được phê duyệt mới đủ cơ sở quyết định phân bổ nguồn kinh phí.

Về hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Đến nay có 40 dự án thực hiện năm 2022 đang được các huyện tiến hành nghiệm thu để giải ngân; các dự án còn lại phải chuyển sang năm 2023, tuy nhiên chưa có dự án nào được phê duyệt để thực hiện. Bên cạnh đó, một số xã không có điều kiện thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, UBND xã chưa chủ động đề xuất hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng cho người dân.

Việc mua sắm hàng hóa thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (*gồm cây giống, con giống, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, phân bón, hóa chất,...*) thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công và pháp luật có liên quan, các đơn vị chủ trì liên kết chưa có đủ năng lực tham gia đấu thầu, thời gian đấu thầu kéo dài nên việc triển khai thực hiện dự án chậm, không đạt tiến độ theo kế hoạch.

+ Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thực hiện các tiêu dự án ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện, tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc giao UBND các huyện xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các nghề đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để thực hiện tiêu dự án 3²³ là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh đó, việc 08 huyện, thành phố đều thực hiện xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật các nghề đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sẽ dẫn đến việc không thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh. Đến nay các huyện đều lúng túng trong triển khai thực hiện.

Một số nghề được đào tạo chưa phù hợp với thực tiễn các địa phương nên khi đào tạo xong, người học không có việc làm; thời gian khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động đến khi mở lớp dạy nghề lâu nên nhiều trường hợp thay đổi nguyện vọng hoặc trong thời gian chờ tuyển sinh, một số lao động tìm được việc làm mới dẫn đến tuyển sinh không đủ số lượng học viên, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện dự án.

Tiểu dự án 1 về đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai đấu thầu mua sắm đề xuất bổ sung thiết bị cho trường PTDT nội trú Bắc Kạn nhưng không có nhà thầu tham dự.

Tiểu dự án 2 về đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Theo quy

²³ Công văn số 2181/LĐTBXH-LĐVLDN ngày 21/10/2022 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội về việc chủ động xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các nghề đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

định tại khoản 2 Điều 49 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: “*Kinh phí đào tạo đại học, sau đại học được phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện theo phương thức ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học*”. Tuy nhiên, Điều 7 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có nêu: “*Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu trong đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên*”. Do vậy, Sở Giáo dục và Đào tạo lúng túng trong việc lựa chọn phương thức ký kết hợp đồng đào tạo theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND (đấu thầu hay đặt hàng hay ký hợp đồng trực tiếp với các cơ sở giáo dục đại học).

+ Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Việc triển khai thực hiện dự án còn nhiều lúng túng, các nhiệm vụ mang tính chất đầu tư xây dựng²⁴ chậm triển khai do phải thực hiện trình tự, thủ tục, lập, thẩm định phê duyệt dự án tu bổ, phục hồi di tích theo quy định tại Nghị định 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 và thực hiện các bước theo trình tự đấu thầu (*lựa chọn nhà thầu*) theo quy định. Kết quả giải ngân đạt thấp.

+ Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Các đơn vị đã tổ chức hội nghị tập huấn kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu của đối tượng tham gia, phù hợp với mục tiêu của dự án. Tuy nhiên, năm 2023 mới ban hành được kế hoạch thực hiện. Đối với nội dung đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn tiến độ thực hiện chậm (*Hiện nay mới thực hiện giải phóng mặt bằng, đang thực hiện lựa chọn nhà thầu*), kết quả giải ngân thấp (1.268/8.961 triệu đồng, đạt 14,15% kế hoạch).

+ Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Dự án được giao cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, có nhiệm vụ theo quy định thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ xã nhưng hiện đang do Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện thực hiện như nội dung thành lập, ra mắt tổ truyền thông cộng đồng²⁵.

Quá trình thực hiện dự án tại các địa phương còn một số khó khăn do các nguyên nhân sau: Biên chế của Hội Liên hiệp Phụ nữ các huyện ít (*có từ 03-04*

²⁴ Gồm 02 công trình: Chông xuống cấp di tích quốc gia Địa điểm lưu niệm nơi Bác Hồ dừng chân trên đường đi từ Pác Bó về Tân Trào tháng 5 năm 1945; Công trình hỗ trợ xây dựng Điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

²⁵ Theo Hướng dẫn số 15-HD/ĐCT ngày 14/11/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thành lập, vận hành và duy trì mô hình tổ truyền thông cộng đồng quy định: “Hội Liên hiệp Phụ nữ xã trực tiếp tham mưu thành lập, duy trì hoạt động của Tổ truyền thông”.

người), trong khi nhiệm vụ được giao thực hiện nhiều, kế hoạch vốn được giao trong năm lớn (*trung bình từ 2-3 tỷ đồng/đơn vị*); Chỉ tiêu củng cố/thành lập mới Tổ tiết kiệm vay vốn thôn, bản đang tạm dừng triển khai theo văn bản của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, do vậy các địa phương không giải ngân được; Trung ương Hội chưa kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, sổ tay hướng dẫn từng nội dung cụ thể, chưa có nội dung và kinh phí hỗ trợ để duy trì sinh hoạt hằng tháng cho các tổ truyền thông được thành lập; hướng dẫn chi, quyết toán theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính còn có nội dung quy định chưa rõ ràng²⁶, có nội dung định mức chi còn thấp so với yêu cầu Dự án²⁷.

+ Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, Đến nay, tỉnh chưa triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 về đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc do hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc chưa cụ thể (*chưa có quy định về cơ chế cho vay, mức cho vay, thời hạn vay, lãi suất, cơ chế ủy thác quy Ngân hàng chính sách xã hội, quy định về cấp bù lãi suất...*). Bên cạnh đó, thực hiện Công văn số 1017/UBND-DTTS ngày 21/6/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9, tại Mục 1 có nội dung: “*Trước mắt tạm thời dừng triển khai nội dung hỗ trợ đầu tư có thu hồi đối với hộ dân tộc còn nhiều khó khăn thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi tại Tiểu dự án 1, Dự án 9, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trong thời điểm hiện nay*”.

+ Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: Tiểu dự án 2, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn muộn (*tháng 5/2023*), nên hiện nay các đơn vị, địa phương đang rà soát các nội dung để xây dựng kế hoạch. Đối với nội dung hỗ trợ, xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến, chưa có hướng dẫn cụ thể nên chưa triển khai thực hiện.

2.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

a) Kết quả đạt được

Qua giám sát cho thấy, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp đã tiếp tục quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ngay từ đầu giai đoạn và kế thừa kết quả triển khai

²⁶ Tại điểm b khoản 1 Điều 39: Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh, tối đa 100 triệu đồng/mô hình thí điểm. Các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ sẽ phải đối ứng phần chi phí còn lại để thực hiện, duy trì bền vững mô hình.

²⁷ Tại điểm a khoản 2 Điều 38: “Chi thực hiện các hoạt động tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 8 Điều 4 Thông tư này. Riêng chi mô hình truyền thông cộng đồng: Mức hỗ trợ trọn gói 03 triệu đồng/mô hình”.

thực hiện của giai đoạn trước, do đó công tác chỉ đạo, quản lý, tổ chức, phối hợp thực hiện chương trình có nhiều thuận lợi; việc ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách kịp thời, đồng bộ. Các chính sách giảm nghèo thường xuyên và tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo được triển khai thực hiện có hiệu quả như: chính sách dạy nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo; hỗ trợ về giáo dục, đào tạo; trợ giúp pháp lý cho người nghèo; hỗ trợ về y tế, nhà ở, tiền điện; các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò hỗ trợ vốn giúp các gia đình hội viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tiếp cận với các nguồn vốn để phát triển sản xuất. Kết quả hết năm 2022, tỷ lệ nghèo đa chiều của tỉnh là 33,7%, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn là 40,96%.

b) Tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Một số văn bản hướng dẫn thực hiện các dự án của Chương trình còn chậm, còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa rõ ràng, dẫn đến việc triển khai thực hiện còn nhiều lúng túng²⁸. Bên cạnh đó, nguồn vốn được giao muộn, nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai và giải ngân nguồn vốn. Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo giảm chậm và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh còn cao²⁹. Đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Cơ sở hạ tầng của tỉnh còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Việc xác định đối tượng được hỗ trợ trong dự án, mô hình giảm nghèo còn gặp khó khăn, do một số chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo như hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, việc làm... trùng với nội dung hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ (*hộ dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo*) của Chương trình

²⁸ Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Văn bản số 933/STC-TCHCSN ngày 08/5/2023 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; Văn bản số 986/STC-TCHCSN ngày 12/5/2023 của Sở Tài chính về việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai các Chương trình MTQG trên địa bàn; Văn bản số 1164/SNN-KHTC ngày 27/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ chưa có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 2, Dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất và cải thiện dinh dưỡng: Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

- Tiểu dự án 2 Dự án 6 về truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Chưa có bộ tài liệu phục vụ cho công tác bồi dưỡng kiến thức, tập huấn kỹ năng nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin truyền thông trong thực hiện Tiểu dự án giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 về phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: Nội dung hỗ trợ sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa thực hiện được do văn bản hướng dẫn của trung ương chưa rõ ràng.

²⁹ Theo Báo cáo số 467/BC-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh:

- Năm 2021: Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,48%, tuy nhiên tỷ lệ giảm nghèo không đạt mục tiêu đề ra là từ 2-2,5%.
 - Năm 2022: Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,66%, đạt và vượt mục tiêu đề ra là từ 2-2,5%. Tuy nhiên kết quả thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số và các huyện nghèo không đạt mục tiêu đề ra.
 - Tỷ lệ nghèo đa chiều cuối năm 2022 là 33,71%, trong đó: tỷ lệ hộ nghèo là 27,37%; hộ cận nghèo là 9,53%.

MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi³⁰.

- Có tình trạng so sánh và lựa chọn nguồn vốn hỗ trợ nhà ở từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do có nhiều chính sách ưu đãi hơn (*như: được vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội*³¹; *các hộ dân được hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nay nhà ở đã xuống cấp, hỏng, dột nát vẫn được hỗ trợ*), do đó ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu, hướng dẫn của trung ương chưa cụ thể nên lúng túng trong quá trình triển khai.

- Việc triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất gặp khó khăn do các đơn vị không có kinh nghiệm trong việc thẩm định giá, mua sắm vật tư, vật liệu nên còn nhiều lúng túng. Một số hộ dân tham gia liên kết bỏ không tham gia dự án và không tìm được hộ liên kết thay thế do đó dự án phải hủy bỏ.

- Việc triển khai thực hiện hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo (Tiểu dự án 1, Dự án 1) gặp khó khăn do một số công trình, dự án có mặt bằng thi công và tập kết vật liệu chật hẹp, do vừa phải thi công và vừa phải bảo đảm các hoạt động dạy và học của nhà trường. Các công trình, dự án về lĩnh vực giao thông, thủy lợi gặp khó khăn trong công tác vận chuyển, tập kết vật liệu để thi công do đường vận chuyển là đường đất, trơn trượt. Các công trình mới bắt đầu triển khai, thực hiện và hiện nay đang trong quá trình thực hiện khối lượng thi công.

- Nhiều đối tượng lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chưa quan tâm đến công tác đào tạo nghề, mà chủ yếu đi làm việc ở các công ty, doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh. Một số trường hợp đi xuất khẩu lao động không lập hồ sơ đề nghị thanh toán hoặc hồ sơ đề nghị không đầy

³⁰ Theo quy định tại điểm b mục 5 Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, quy định: “*Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác*”. Tuy nhiên, thực tế trên địa bàn tỉnh có trường hợp một số hộ gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo đã được hỗ trợ về nhà ở theo các chương trình, đề án, chính sách như 134, 167... và các Chương trình, chính sách khác của nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội hoặc các tổ chức xã hội khác có thời gian khoảng trên dưới 10 năm. Đến nay trình trạng nhà ở của các hộ gia đình đã xuống cấp không đảm bảo tiêu chí 3 cứng, có trường hợp nhà ở đã bị hư hỏng dột nát có nguy cơ sụp đổ cao; một số hộ chỉ được hỗ trợ phần mái nhà hoặc tấm lợp từ các chương trình, chính sách khác. Cá biệt có trường hợp chỉ được hỗ trợ khoảng 5 - 10 tấm lợp phibroxi măng trong các đợt bị ảnh hưởng bởi thiên tai, mưa bão, nhưng không thuộc đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, nên gặp rất nhiều khó khăn.

³¹ Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, nguồn vốn hỗ trợ nhà ở gồm: Nguồn vốn trung ương, nguồn vốn địa phương và từ nguồn vốn huy động khác (Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 19/01/2022).

Tuy nhiên đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nguồn vốn hỗ trợ nhà ở gồm: Nguồn vốn trung ương, nguồn vốn địa phương, vốn vay tín dụng chính sách và từ nguồn vốn huy động khác (Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021)

đủ các giấy tờ theo nội dung được hỗ trợ như: vé phương tiện vận chuyển (vé máy bay, vé xe đi lại), hóa đơn hoặc biên lai thu tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo..., do đó không được thanh toán hoặc mức thanh toán hỗ trợ không được các nội dung đầy đủ theo quy định

2.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

a) Kết quả đạt được

Trong kỳ báo cáo, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp đã quan tâm chỉ đạo sát sao việc triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới và các nội dung thành phần của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Các cơ quan, đơn vị sở, ngành trên địa bàn tỉnh tiếp tục giúp đỡ các xã khó khăn trong xây dựng NTM theo Công văn số 164-CV/TU ngày 19/3/2021 của Tỉnh ủy Bắc Kạn. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành các Chương trình chuyên đề trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025³².

Tính đến tháng 6/2023, tỉnh Bắc Kạn có: 01/02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 50%; 23/46 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 50%; 02/15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 13,3%; 0/06 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là, đạt 0% (tỷ lệ được tính trên mục tiêu của giai đoạn 2021-2025); kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được quan tâm đầu tư nâng cấp, diện mạo nông thôn đổi mới, từng bước kết nối với đô thị.

b) Tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Việc ban hành quy định thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của trung ương và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan về thực hiện Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân bổ kế hoạch, giao vốn ngân sách trung ương. Bên cạnh đó một số văn bản của trung ương sau khi ban hành đã phát sinh vướng mắc, bất cập cần được xem xét điều chỉnh cho phù hợp³³:

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng

³² UBND tỉnh đã ban hành 03/06 kế hoạch chuyên đề, gồm: Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 427/KH-UBND ngày 03/7/2023 về thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung Thuyết minh Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” tỉnh Bắc Kạn (OCOP-BK) giai đoạn 2021-2025 kèm theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

³³ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định hướng dẫn thực hiện các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 đã ảnh hưởng đến tư tưởng, tâm lý của một số cán bộ và Nhân dân vùng đặc biệt khó khăn trong việc tham gia thực hiện Chương trình nông thôn mới³⁴.

- Việc bố trí vốn đầu tư cho các xã về đích nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao chưa đáp ứng nhu cầu, chưa đảm bảo tiến độ. Trong khi đó, việc huy động xã hội hóa xây dựng nông thôn mới còn hạn chế và chủ yếu đóng góp bằng ngày công lao động.

- Đến thời điểm báo cáo, còn 03/06 chương trình chuyên đề trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 chưa được UBND tỉnh ban hành theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ³⁵. Kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng NTM còn hạn chế, còn 02 huyện nghèo “*trắng xã NTM*”, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới, chuẩn nông thôn mới nâng cao còn thấp, chưa có xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu và số xã đạt dưới 15 tiêu chí còn lớn. Chất lượng đạt chuẩn và công tác duy trì bền vững kết quả của một số xã sau đạt chuẩn còn khó khăn. Số lượng các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh chiếm tỷ lệ cao (67/95 xã), suất đầu tư lớn, trong khi nguồn lực đầu tư cho Chương trình chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp và Ban Quản lý cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị còn hạn chế, kinh tế tập thể đã tăng nhanh về số lượng Hợp tác xã nhưng nhiều Hợp tác xã có quy mô nhỏ.

- Bộ tiêu chí nông thôn mới có nội dung chưa phù hợp, còn vướng mắc trong quá trình thực hiện:

+ Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tăng nhiều chỉ tiêu và yêu cầu cao hơn so với Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016-2020³⁶, trong khi đó các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới có nhiều xã đặc biệt khó khăn, cần nhiều nguồn lực đầu tư và qua rà soát thực tế cho thấy, việc duy trì nông thôn mới của các xã đã được công nhận khi áp theo tiêu chí mới khó đạt được.

³⁴ Điều 3 quy định: “Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn NTM có hiệu lực”

³⁵ UBND tỉnh chưa ban hành 03/06 chuyên đề gồm: Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh đang xây dựng

³⁶ Bộ tiêu chí thôn NTM tăng 03 tiêu chí, Bộ tiêu chí xã NTM tăng 08 chỉ tiêu, Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tăng 02 tiêu chí, 29 chỉ tiêu, Bộ tiêu chí huyện NTM tăng 22 chỉ tiêu, 03 điều kiện; một số tiêu chí có mức độ đánh giá đạt chuẩn cao hơn như: tiêu chí thu nhập tăng 3 triệu đồng/người/năm, tiêu chí nghèo đa chiều tính cả tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tiêu chí giao thông: 100% đường thôn liên thôn cứng hóa, bê tông hóa và có các hạng cần thiết gồm biển báo, biển chỉ dẫn chiếu sáng; một số chỉ tiêu mới như tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa $\geq 40\%$, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$...

+ Có chỉ tiêu, tiêu chí chưa phù hợp với điều kiện địa phương như: Tỷ lệ nghèo đa chiều quy định đạt dưới mức 13%, tuy nhiên Bắc Kạn là tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao so với mặt bằng chung của cả nước (24,71%); tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng quy định đạt từ 5% trở lên, tuy nhiên tại tỉnh Bắc Kạn việc mai táng chủ yếu thực hiện theo phong tục địa phương...; một số tiêu chí chưa thể áp dụng đánh giá tại thời điểm hiện tại như tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa; tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn...

+ Một số tiêu chí khó thực hiện như: Tiêu chí về giao thông; Tiêu chí về trường học; Tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí nhà ở; Tiêu chí về thu nhập và nghèo đa chiều; Tiêu chí về thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương; Tiêu chí về y tế³⁷; Tiêu chí về môi trường.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và được các cấp, các ngành xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG ở các cấp được thành lập và kiện toàn kịp thời, có quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng tạo sự thống nhất, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện từ cấp tỉnh đến cơ sở. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương được thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Trên cơ sở quy định của Trung ương, tỉnh đã sớm ban hành các văn bản quy định cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình MTQG theo phân cấp thẩm quyền, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan, đơn vị địa phương trong tỉnh triển khai thực hiện. Các sở, ban, ngành tỉnh có sự phối hợp trong công tác tham mưu, lồng ghép, tích hợp nguồn lực giữa các Chương trình MTQG đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ trên cùng địa bàn. Việc phân bổ nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG được thực hiện tuân thủ quy định của pháp luật trên cơ sở lấy nhu cầu từ cấp xóm, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch. Mặc dù ngân sách còn hạn hẹp nhưng cấp tỉnh và huyện đã ưu tiên dành một phần kinh phí để đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh theo tỷ lệ quy định.

³⁷ Đối với chỉ tiêu về tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đã được đánh giá đối với xã NTM và thôn NTM, nhưng khi đưa vào xây dựng NTM nâng cao thì tỷ lệ này giảm, dẫn tới một số địa phương không đạt kế hoạch. Do trước khi đạt xã, thôn NTM thì người dân được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế, nhưng sau khi đạt chuẩn NTM thì không còn được hưởng hỗ trợ này, dẫn đến tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế giảm; tỷ lệ người dân có số sức khỏe điện tử còn thấp và tỷ lệ người dân tham gia, sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa khó thực hiện, do điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn, không có thiết bị điện thoại thông minh, cũng như hệ thống mạng lưới Internet còn hạn chế, có nơi chưa được phủ sóng; tỷ lệ cài đặt số sức khỏe điện tử còn thấp.

Bộ mặt nông thôn ở nhiều địa phương đã từng bước thay đổi. Chất lượng đời sống văn hóa tinh thần của người dân, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được nâng cao, nổi bật nhất là việc bảo tồn, giữ gìn những nét đẹp văn hóa truyền thống, hàng loạt lễ hội truyền thống tốt đẹp được tổ chức bài bản ở khắp các vùng quê. Cơ sở hạ tầng vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được hoàn thiện, góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất cho người dân; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo được triển khai đồng bộ; điều kiện về y tế, giáo dục, văn hóa được cải thiện. Chương trình OCOP cũng đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần thúc đẩy phát triển những sản phẩm đặc sản của địa phương. Các mô hình về phát triển du lịch cộng đồng đã và đang từng bước hình thành tại các địa phương.

2. Hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình của Bộ, ngành Trung ương, địa phương chưa được kịp thời, đồng bộ; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng nên còn lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Nguồn vốn trung ương phân bổ chưa đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó việc giao vốn cho địa phương chưa sát với nhu cầu thực tế, vốn sự nghiệp giao theo từng năm (không giao theo giai đoạn) nên địa phương không chủ động trong triển khai, điều chỉnh thực hiện.

- Một số ít cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thật sự quyết liệt, sát sao trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cơ sở thực hiện. Việc thống kê, rà soát nhu cầu và lập danh sách đề xuất của một số địa phương chưa sát với thực tế

- Năng lực của một bộ phận cán bộ trực tiếp tham mưu, triển khai thực hiện Chương trình còn hạn chế, nhất là cấp cơ sở. Một số cán bộ, công chức chưa chủ động bàn bạc, tháo gỡ, giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Cấp xã tiếp tục được đẩy mạnh phân cấp làm chủ đầu tư, tuy nhiên, công chức cấp xã mặc dù liên tục được chuẩn hoá nhưng lực lượng mỏng, có công chức phải đảm nhiệm nhiều lĩnh vực, nhiều nội dung ngoài chuyên môn được đào tạo, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết công việc.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên việc huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ thực hiện các CTMTQG còn hạn chế.

- Những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện của từng Chương trình MTQG (*Được nêu cụ thể tại mục 2, phần II của Báo cáo*).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Quốc hội và Chính phủ

Trong giai đoạn 2021-2025, Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư 03 Chương trình MTQG là phù hợp với thực tế và đã có những tác động rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, nhất là vùng nông thôn; từ đó ngày càng thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Do đó, đề nghị Chính phủ xem xét nghiên cứu tiếp tục đề xuất Quốc hội phê duyệt thực hiện 03 Chương trình MTQG trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, để tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ và tránh sự chồng chéo và thuận lợi cho các cấp cơ sở trong quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị xem xét nghiên cứu một số vấn đề sau:

- Về Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới: Để quá trình tổ chức triển khai thực hiện được diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị gián đoạn, đồng thời giảm thời gian, thủ tục nghiên cứu, ban hành các Bộ tiêu chí và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện của các Bộ, ngành, địa phương, đề nghị xem xét ban hành Bộ tiêu chí mang tính chất định hướng chung, xuyên suốt và dài hơi hơn. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những chỉ tiêu, tiêu chí không còn phù hợp với thực tiễn thì chỉ cần điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, tiêu chí đó. Bộ tiêu chí theo từng giai đoạn như hiện nay (*giai đoạn 5 năm*) là quá ngắn so với thời triển khai để đạt chuẩn nông thôn mới.

- Trong mỗi chương trình có nội dung, đối tượng thụ hưởng giống nhau đề nghị quy định mức hỗ trợ và các điều kiện hỗ trợ khác tương đồng, tránh chồng chéo, tạo sự đồng thuận trong nhân dân khi thực hiện.

2. Kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành rà soát và giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc, nhất là sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn chưa phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện 3 Chương trình MTQG và đẩy nhanh tiến độ thực hiện để các đối tượng sớm được thụ hưởng chính sách, nhất là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Theo các Quyết định phê duyệt Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ thì đối tượng thụ hưởng các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 là các “*cơ sở giáo dục nghề nghiệp*”. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp và khoản 1 Điều 44 Luật Giáo dục quy định Trung tâm GDNN- GDTX cấp huyện không phải là “*cơ sở giáo dục nghề nghiệp*”. Do đó, không thuộc đối tượng được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị từ nguồn vốn của các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG. Tuy nhiên, cơ bản các tỉnh thực hiện 3 Chương trình

MTQG đều còn nhiều khó khăn, ngân sách hạn chế để đầu tư sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, cơ sở vật chất và mua sắm bổ sung trang thiết bị. Do đó, đề nghị xem xét bổ sung Trung tâm GDNN- GDTX cấp huyện là đối tượng của các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình MTQG.

- Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép các địa phương, trong đó có tỉnh Bắc Kạn sử dụng kinh phí đã phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 để thanh toán tiền nhân công khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ và sản xuất thuộc các xã khu vực II, III năm 2021, năm 2022³⁸.

+ Tại điểm d khoản 1 mục I Điều 1 Quyết định 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025 chỉ quy định “*Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã; bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn đồng đồng bào dân tộc thiểu số*” là chưa đầy đủ, đề nghị xem xét bổ sung thêm đối tượng là người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn tại vùng đồng đồng bào dân tộc thiểu số

- Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

+ Đề nghị xem xét điều chỉnh nâng định mức hỗ trợ nhà ở và có chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ vay vốn để có thêm kinh phí xây dựng nhà ở đảm bảo tiêu chí 3 cứng theo quy định. Đồng thời, xem xét đối với những địa bàn chưa có đường giao thông đi lại, không sử dụng các phương tiện để vận chuyển vật liệu xây dựng đề nghị xem xét giảm từ 3 tiêu chí xuống 2 tiêu chí (*gồm: khung cứng và mái cứng*).

+ Đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo hướng: Các đối tượng đã được hỗ trợ về nhà ở theo các chương trình, đề án, chính sách như: 134, 167... và các Chương trình, chính sách khác của nhà nước, tổ chức, chính

³⁸ Quyết định số 1067/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính phân bổ kinh phí Tiểu dự án 1, Dự án 3 cho tỉnh Bắc Kạn 72.328 triệu đồng. Với trình tự thủ tục thực hiện các hạng mục hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, tỉnh Bắc Kạn xác định trong năm 2022 chỉ thực hiện được việc lập hồ sơ thiết kế giao khoán với kinh phí dự kiến là 17.335,65 triệu đồng, như vậy nguồn kinh phí còn dư 54.972,35 triệu đồng, do không có khối lượng thanh toán. Trong khi tỉnh Bắc Kạn có khối lượng đã giao khoán hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ và sản xuất năm 2021, 2022 đối với xã khu vực II, III nhưng chưa có kinh phí thanh toán là 52.826,12 triệu đồng. Đối chiếu với mục tiêu, quy định về đối tượng tại Tiểu dự án 1, Dự án 3, đề nghị Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho tỉnh Bắc Kạn sử dụng một phần kinh phí từ nguồn vốn của Tiểu dự án 1 để thanh toán tiền nhân công khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ và sản xuất thuộc các xã khu vực II, III.

trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác có thời gian khoảng trên dưới 10 năm được thụ hưởng hỗ trợ nhà ở theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Sớm ban hành Quyết định sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện hoàn thành mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025³⁹.

+ Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 3 Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ theo hướng: Đối với các xã đặc biệt khó khăn khi đạt chuẩn xã nông thôn mới tiếp tục được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đến hết năm 2025, do nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ cho từng xã.

+ Xem xét bổ sung thêm địa bàn huyện vùng cao tại cơ chế hỗ trợ đối với các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới tại điểm b, mục 1, phần V Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, như sau: “.....*Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, vùng cao...*”.

- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành trung ương rà soát các nội dung kiến nghị của các địa phương và xem xét, sớm tham mưu văn bản hoặc ban hành văn bản theo thẩm quyền điều chỉnh các nội dung quy định còn vướng mắc, bất cập (*theo Phụ lục gửi kèm*).

3. Đối với cơ quan địa phương

3.1. Đề nghị HĐND tỉnh

Rà soát, xem xét trình điều chỉnh Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 (*nội dung: thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng*) tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh theo hướng: áp dụng phân bổ nguồn vốn sự nghiệp theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức theo phương pháp

³⁹ Ngày 08/6/2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản đề nghị các địa phương góp ý dự thảo Tờ trình và Quyết định sửa đổi một số tiêu chí nông thôn mới cấp xã, huyện và bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù giai đoạn 2021-2025. Văn phòng Điều phối nông thôn mới đã có văn bản góp ý cụ thể gửi Bộ NN&PTNT.

tính điểm được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh

Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên các cấp tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động sự tham gia của xã hội và cộng đồng, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong triển khai thực hiện các Chương trình MTQG; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện các chính sách trên địa bàn.

3.3. Đề nghị UBND tỉnh

- Thực hiện đồng bộ, kịp thời hiệu quả các giải pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; trong công tác truyền thông để nhận được sự đồng thuận của xã hội, của nhân dân; kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất Bộ, ngành trung ương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương; thực hiện tốt công tác xã hội hóa để có thêm nguồn lực triển khai các nhiệm vụ của từng Chương trình

- Sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 đối với: (1) Tiểu dự án 4, Dự án 5 (*Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*); (2) hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung thực hiện thuộc thẩm quyền của Trung tâm Y tế để tránh sự chồng chéo, trùng lặp trong triển khai thực hiện Dự án 7; (3) quy trình thủ tục thực hiện từng bước đối với việc thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 để các xã triển khai kịp thời và hiệu quả; (4) hướng dẫn quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các tiểu dự án, dự án thực hiện Chương trình theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính; (5) xem xét, giao cơ quan chuyên môn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật các nghề đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; (6) giao nội dung thành lập, ra mắt tổ truyền thông cộng đồng cho Hội Liên hiệp Phụ nữ xã thực hiện theo đúng quy định tại Hướng dẫn số 15-HD/ĐCT ngày 14/11/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thành lập, vận hành và duy trì mô hình tổ truyền thông cộng đồng.

- Quan tâm bố trí kinh phí đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng, mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế cho các Trạm y tế, Trung tâm y tế huyện nhằm xây dựng, củng cố, duy trì nâng cao hiệu quả xã đạt Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn đến năm 2025 và huyện đạt tiêu chí Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng, góp phần thực hiện thành công xã đạt Bộ tiêu chí nông thôn mới, huyện Nông thôn mới giai đoạn 2022-2025.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030” của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát của Quốc hội (Hội đồng Dân tộc);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đơn vị: Vụ Dân tộc, Vụ Phục vụ hoạt động giám sát (VPQH);
- Các sở, ngành: NN&PTNT, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Y tế, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, HSCV (Tuyên-01 bản).

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

Hồ Thị Kim Ngân